

Số: 1390/QĐ-UBND

Nhân Lý, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện công trình Cải tạo lưới điện hạ thế nông thôn các xã Hòa Bình, Quang Lang, Mai Sao, Bắc Thủy, Lâm Sơn, Vân An huyện Chi Lăng năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NHÂN LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15; Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lạng Sơn: số 42/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất; số 43/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; số 79/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 sửa đổi, thay thế, bãi bỏ một phần quy định tại các quyết định của UBND tỉnh về thi hành Luật Đất đai và các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn quy định về phân cấp trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và quy định trình tự, thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 39/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1245/QĐ-PCLS ngày 18/11/2023 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo lưới điện hạ thế nông thôn các xã Hòa Bình, Quang Lang, Mai Sao, Bắc Thủy, Lâm Sơn, Vân An huyện Chi Lăng năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 16/7/2026 của UBND xã Nhân Lý về thu hồi đất thực hiện công trình; các Thông báo thu hồi đất từ số 410/TB-UBND đến số 426/TB-UBND ngày 30/7/2026 của UBND xã Nhân Lý;

Theo đề nghị của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Chi Lăng tại Công văn số 432/CNPTQĐ ngày 18/9/2026 và của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 257/TTr-PKT ngày 29 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình Cải tạo lưới điện hạ thế nông thôn các xã Hòa Bình, Quang Lang, Mai Sao, Bắc Thủy, Lâm Sơn, Vân An huyện Chi Lăng năm 2023, phần trên địa bàn xã Nhân Lý, tỉnh Lạng Sơn, bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của công trình theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Tổng diện tích đất thu hồi, diện tích từng loại đất thu hồi:

Tổng diện tích thu hồi: 443,90 m² tại các thôn Khuổi Kháo, Bắc Phù, Sao Hạ, xã Nhân Lý, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể:

STT	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (m ²)
1	Đất trồng cây hằng năm khác	81,36
2	Đất chuyên trồng lúa	34,57
3	Đất trồng lúa còn lại	294,29
4	Đất rừng sản xuất	33,68
	Tổng cộng	443,90

Ngoài diện tích đất thu hồi nêu trên, có 3.062,60 m² đất bị hạn chế khả năng sử dụng trong hành lang của 03 trường hợp, được tính bồi thường riêng trong phương án.

b) Tổng số người có đất thu hồi: 17 trường hợp, gồm 13 hộ gia đình và 04 trường hợp những người thừa kế hợp pháp.

c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: hỗ trợ bằng tiền theo phương án chi tiết.

d) Phương án bố trí tái định cư: không có.

đ) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: không có.

e) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: không có.

g) Kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 169.856.175 đồng (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng*). Trong đó:

STT	Nội dung bồi thường, hỗ trợ	Số tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất thu hồi	24.346.800
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	96.780.960
3	Bồi thường cây cối, hoa màu trên đất thu hồi	11.477.395
4	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu ảnh hưởng hành lang	28.982.000
5	Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất trong hành lang	8.269.020
	Tổng cộng	169.856.175

Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được lập, thẩm định riêng; chưa bao gồm trong tổng kinh phí nêu trên.

h) Tiến độ thực hiện phương án: tổ chức công khai, gửi quyết định, thông báo và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, bàn giao mặt bằng theo thời hạn pháp luật quy định. Đơn vị thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thông báo cụ thể thời gian, địa điểm chi trả và thời gian bàn giao mặt bằng đến từng trường hợp.

i) Phương án chi tiết đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: thực hiện theo khoản 2 Điều này.

k) Các nội dung khác liên quan:

- Cơ cấu nguồn vốn: vốn khấu hao cơ bản và tín dụng thương mại của Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

- Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Lạng Sơn - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ:

Phê duyệt danh sách và kinh phí của 17 trường hợp theo bảng tổng hợp kèm theo Quyết định này. Nội dung chi tiết của từng trường hợp được thể hiện tại quyết định riêng và biểu phương án chi tiết tương ứng, thuộc tổng kinh phí tại điểm g khoản 1 Điều này; không làm phát sinh kinh phí ngoài phương án tổng và không chi trả trùng.

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Chi Lăng phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại trụ sở UBND xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; phối hợp đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của xã theo quy định. Tham mưu UBND xã tiếp nhận, bàn giao mặt bằng; phối hợp quản lý đất đã thu hồi, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Chi Lăng có trách nhiệm gửi quyết định và phương án được phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản; thông báo cụ thể thời gian, địa điểm chi trả và thời gian bàn giao mặt bằng; tổ chức chi trả đúng đối tượng, nội dung, số tiền được phê duyệt, lập đầy đủ chứng từ và phối hợp với UBND xã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư.

3. Công ty Điện lực Lạng Sơn - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc bảo đảm kinh phí thực hiện phương án; phối hợp với Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Chi Lăng thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tiếp nhận mặt bằng để triển khai công trình theo quy định.

4. Các hộ gia đình, cá nhân, những người thừa kế hợp pháp có tên trong phương án có trách nhiệm phối hợp nhận tiền, bàn giao đất đã thu hồi, mặt bằng trong phạm vi bị ảnh hưởng cho UBND xã và Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Chi Lăng để triển khai công trình. Trường hợp nhận tiền thông qua người đại diện, phải bảo đảm đúng phạm vi đại diện hợp pháp và quyền lợi của các đồng thừa kế, đồng sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Chi Lăng, Công ty Điện lực Lạng Sơn - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc, các hộ gia đình, cá nhân, những người thừa kế hợp pháp có tên trong phương án và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, PKT, NTMH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thanh Nghị



BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ

Công trình Cải tạo lưới điện hạ thế nông thôn các xã Hòa Bình, Quang Lang, Mai Sao, Bắc Thủy, Lâm Sơn, Vân An huyện Chi Lăng năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2026 của UBND xã Nhân Lý)

STT	Người được bồi thường, hỗ trợ	DT thu hồi (m ²)	BT đất thu hồi	HT nghề	Cây trên đất thu hồi	Cây hành lang	Đất hành lang	Tổng tiền (đồng)
1	Hộ ông Hoàng Văn Phương	10,85	97.650	195.300	1.560.000	12.310.000	2.722.410	16.885.360
2	Hộ ông Vy Hồng Sơn	27,06	838.860	3.111.900	3.643.540	15.867.500	4.466.880	27.928.680
3	Hộ ông Hoàng Văn Điện	82,85	4.971.000	19.884.000	1.491.300	0	0	26.346.300
4	Hộ ông Hoàng Văn Lưu	84,30	5.058.000	20.232.000	1.517.400	0	0	26.807.400
5	Hộ ông Hoàng Văn Dũng	19,83	715.500	2.694.600	189.540	804.500	1.079.730	5.483.870
6	Hộ ông Hoàng Văn Ký	10,53	631.800	2.527.200	189.540	0	0	3.348.540
7	Hộ ông Hoàng Văn Nôm	9,30	492.900	1.971.600	167.400	0	0	2.631.900
8	NNTKHP của ông Hoàng Văn Tới ĐD: Hoàng Văn Tha	5,25	315.000	1.260.000	94.500	0	0	1.669.500
9	Hộ ông Hoàng Văn Tường	5,28	316.800	1.267.200	95.040	0	0	1.679.040
10	NNTKHP của ông Vi Văn Sơ ĐD: Vi Văn Huân	18,60	1.116.000	4.464.000	334.800	0	0	5.914.800
11	NNTKHP của ông Vy Văn Phùng ĐD: Vy Văn Trắng	21,06	1.189.890	4.759.560	379.080	0	0	6.328.530
12	NNTKHP của ông Vi Văn Miên ĐD: Vi Văn Chính	82,53	4.951.800	19.807.200	618.975	0	0	25.377.975
13	Hộ bà Vi Thị La	48,00	2.544.000	10.176.000	864.000	0	0	13.584.000
14	Hộ ông Vi Văn Sướng	4,21	252.600	1.010.400	75.780	0	0	1.338.780
15	Hộ ông Vi Văn Tước	4,95	297.000	1.188.000	89.100	0	0	1.574.100
16	Hộ bà Vi Thị Thu Hương	4,50	270.000	1.080.000	81.000	0	0	1.431.000
17	Hộ ông Lạc Văn Lo	4,80	288.000	1.152.000	86.400	0	0	1.526.400
	TỔNG CỘNG	443,90	24.346.800	96.780.960	11.477.395	28.982.000	8.269.020	169.856.175